

Bản án số: 479/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11-5-2021.

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thơ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Phước Trinh

2. Bà Phạm Thị Ngọc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa:** Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 11 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1404/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 182/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ánh Ng, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Số 516 Tỉnh lộ 8, tổ 6A, ấp T1, xã T2, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (*có mặt*).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Minh T, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Số 516 Tỉnh lộ 8, tổ 6A, ấp T1, xã T2, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (*Vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 09/11/2020 và bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh Ng trình bày:* Bà và ông Lê Minh T tự nguyện sống chung từ năm 2006 và được Ủy ban nhân dân xã T2, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 111/CNKH ngày 06/9/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống thuận hòa, thời gian đầu hạnh phúc. Tuy nhiên càng về sau thì mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh, nguyên nhân do cả hai bên bất đồng quan điểm sống, ông T không còn quan tâm đến bà. Bà cùng gia đình đã nhiều lần cố gắng hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không thành, mà ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn. Bà và ông T đã không còn sống

chung từ năm 2019 cho đến nay. Bà nhận thấy mục đích hôn nhân không thể đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Bà xác định bà và ông T có 03 con chung tên Lê Nguyễn Xuân M, sinh ngày 24/10/2006, Lê Nguyễn Như Q, sinh ngày 19/7/2008 và Lê Bảo K, sinh ngày 13/9/2015. Hiện trẻ Xuân M đang sống cùng ông T, riêng 02 trẻ Như Q và Bảo K đang sống chung với bà nên nguyện vọng bà để ông T nuôi dưỡng trẻ Xuân M, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ Như Q và Bảo K, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà xác định không có.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Căn cứ đơn khởi kiện ngày 09/11/2020, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là Ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn có nơi cư trú tại: ấp T1, xã T2, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Căn cứ vào đơn xin ly hôn ngày 09/11/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh Ng yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bị đơn ông Lê Minh T.

Về hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Ánh Ng và ông Lê Minh T tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T2, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 111 ngày 06/9/2006, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo đơn xin ly hôn, Nguyên đơn cho rằng trong quá trình sống chung bà và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Bà đã nhiều lần hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không thành. Bà và ông T đã không còn sống chung từ đầu năm 2019, nên bà nhận thấy không còn tình cảm với ông T nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định và được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, thể hiện bị đơn không mong muốn đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do vậy, Tòa án không

có cơ sở hòa giải đoàn tụ theo quy định. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Ánh Ng và ông Lê Minh T là có xảy ra, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không có khả năng đoàn tụ nên chấp nhận yêu cầu về việc ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở.

Về nuôi con chung: Nguyên đơn xác định trong quá trình sống chung, Nguyễn Thị Ánh Ng và ông Lê Minh T có 03 con chung tên Lê Nguyễn Xuân M, sinh ngày 24/10/2006, Lê Nguyễn Như Q, sinh ngày 19/7/2008 và Lê Bảo K, sinh ngày 13/9/2015. Bà Ng yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 02 trẻ Như Q và Bảo K, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung; ông T được quyền nuôi trẻ Xuân M, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy tại Bản tự khai ngày 29/12/2020 của cháu Xuân M và Như Q thể hiện cháu Xuân M đang sống chung với ông T và có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với ông T, cháu Như Q đang sống chung với bà Ng và có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà Nguyệt, đối với trẻ Bảo Kim sinh ngày 13/9/2015 là còn nhỏ. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi con chung mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định và được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy để ổn định tâm sinh lý cho trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy giao 02 trẻ Như Q và Bảo K cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng, giao trẻ Xuân M cho ông T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chung, do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chia tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nếu có tranh chấp về nuôi con chung, về chia tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[3] Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật phí, lệ phí tòa án số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015, nghĩ nên buộc nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định là phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ánh Ng.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ánh Ng và ông Lê Minh T.

(Quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Ánh Ng và ông Lê Minh T được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 111 ngày 06/9/2006 do Ủy ban nhân dân xã T2, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

2. Về nuôi con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Lê Nguyễn Như Q, sinh ngày 19/7/2008 và Lê Bảo K, sinh ngày 13/9/2015 cho bà Nguyễn Thị Ánh Ng trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung tên Lê Nguyễn Xuân M, sinh ngày 24/10/2006 cho ông Lê Minh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về chia tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng buộc bà Nguyễn Thị Ánh Ng phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2019/0085242 ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà Ng đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn không có mặt tại phiên toà thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- Toà án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- UBND xã T2, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thơ**